

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Ngọc Hương;

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị Q, sinh năm 1980; cư trú tại: tổ B, Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; hiện cư trú tại: tổ B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1979; cư trú tại: tổ B, Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Hoàng L chung sống với nhau năm 1999, thời gian đầu không đăng ký kết hôn, đến tháng 11-2023 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 10-2023 thì xảy ra

mâu thuẫn do anh L thường xuyên uống rượu, chửi mắng đập phá đồ đạc trong nhà và đánh đập chị. Mâu thuẫn giữa vợ chồng hàng xóm xung quanh và cha chồng chị có biết, do khi bị anh L đánh chị có đến nhà cha chồng để nhờ ông giải quyết nhưng anh L vẫn không nghe. Tháng 10-2023 chị có 01 lần nộp đơn ly hôn với anh L tại Tòa án, sau khi tòa án mời hòa giải thì anh L năn nỉ hứa thay đổi nên chị rút lại đơn kiện ly hôn với anh L. Tuy nhiên, sau khi đăng ký kết hôn thì anh L lại tiếp tục uống rượu, kiếm chuyện gây gổ và đánh chị. Hiện nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh L được nên yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: chị và anh L có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thùy L1, sinh ngày 29-9-2000; Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh ngày 25-7-2002 và Nguyễn Ngọc Tiểu M, sinh ngày 28-10-2016. Cháu M đang sống với chị và có nguyện vọng sống với chị nên chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; đối với các cháu Mỹ L2 và Thùy L1 đã trên 18 tuổi, tự lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 01 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hoàng L trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị Q về thời gian vợ chồng chung sống, thời gian và nơi đăng ký kết hôn là đúng. Thời gian vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn vào tháng 10-2023 do anh có uống rượu, vợ chồng cãi nhau anh nóng giận có đánh chị Q nên chị Q nộp đơn ly hôn với anh. Sau khi tòa án mời làm việc thì anh năn nỉ hòa giải nên chị Q rút lại đơn kiện, sau đó vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên chị Q bỏ đi khỏi nhà sống ly thân với anh từ tháng 11-2023 (âm lịch) cho đến nay. Thời gian vợ chồng sống ly thân anh có tìm cách liên hệ với chị Q để năn nỉ, hòa giải nhưng chị Q chặn số điện thoại của anh. Hiện anh vẫn còn thương vợ thương con, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn. Anh cam kết sẽ thay đổi, khắc phục những khuyết điểm của anh để vợ chồng có thể chung sống hạnh phúc.

Về con chung: anh thống nhất với lời trình bày của chị Q về họ tên, ngày tháng năm sinh của 03 người con chung là đúng. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị Q thì anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con; đối với các cháu Mỹ L2 và Thùy L1 đã trên 18 tuổi, tự lao động được nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết,

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* *Nguyên đơn chị Trần Thị Q:* chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh L; về con chung, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; đối với các cháu Mỹ L2 và Thùy L1 đã trên 18 tuổi, tự lao động được nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Hoàng L trình bày*: anh đồng ý ly hôn với chị Q; về con chung anh đồng ý giao cháu M cho chị Q nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; đối với các cháu Mỹ L2 và Thùy L1 đã trên 18 tuổi, tự lao động được anh không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến*:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị Q đối với anh Nguyễn Hoàng L. Chị Q được ly hôn với anh L.

+ Về con chung: giao chị Trần Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Tiểu M, sinh ngày 28-10-2016. Ghi nhận chị Q không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với các cháu Nguyễn Thị Thùy L1, sinh ngày 29-9-2000; Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh ngày 25-7-2002 đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân, chị Q, anh L không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị Q, anh L không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Hoàng L tự nguyện chung sống với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận kết hôn số 93/2023 ngày 20-11-2023 (bút lục số 03). Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa chị Q và anh L là hợp pháp.

[1.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Q, thấy rằng: chị Q trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh L ghen tuông, thường xuyên uống rượu, chửi mắng, đập phá đồ đạc trong nhà và đánh đập chị, mặc dù chị đã nhiều lần cho anh L cơ hội, chính quyền địa phương cũng nhiều lần hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng anh L không thay đổi mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng

hơn. Quá trình giải quyết vụ án, anh L thừa nhận giữa anh và chị Q nhiều lần xảy ra mâu thuẫn gây gổ cãi nhau, anh có đánh chị Q và đập phá đồ đạc trong nhà, nguyên nhân do anh nghi ngờ chị Q có tình cảm với người đàn ông khác; thời gian vợ chồng sống ly thân anh có tìm cách liên hệ với chị Q để hòa giải nhưng không liên lạc được, tại phiên tòa chị Q cương quyết yêu cầu ly hôn với anh nên anh đồng ý ly hôn với chị Q. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh L.

[2] Về con chung: chị Q, anh L có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Thùy L1, sinh ngày 29-9-2000; Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh ngày 25-7-2002 và Nguyễn Ngọc Tiểu M, sinh ngày 28-10-2016. Chị Q yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu M. Tại phiên tòa, anh L đồng ý giao cháu M cho chị Q nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị Q và anh L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu M và phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với cháu Thùy L1 và Mỹ L2 đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân, chị Q và anh L không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Q, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[3] Về án phí: chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Q đối với anh Nguyễn Hoàng L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng L.

1.2. Về nuôi con chung: giao chị Trần Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Tiểu M, sinh ngày 28-10-2016. Ghi nhận chị Q không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Đối với các cháu Nguyễn Thị Thùy L1, sinh ngày 29-9-2000 và Nguyễn Thị

Mỹ L2, sinh ngày 25-7-2002 đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân, chị Q và anh L không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Hoàng L không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Q phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004640 ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: anh L, chị Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.THA.TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Trà Vong;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

